

THỰC TRẠNG AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐÁNH BẮT HẢI SẢN XA BỜ TẠI THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN NĂM 2014

*Nguyễn Đình Khuê,
Nguyễn Thị Giang*
Trung tâm Y tế Cửa Lò, Nghệ An

TÓM TẮT

Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực trạng an toàn vệ sinh lao động của ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ của thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Nghiên cứu được tiến hành trên 1003 ngư dân và 115 tàu đánh bắt hải sản xa bờ. Kết quả cho thấy tỉ lệ ngư dân làm việc trên 8 giờ/ngày chiếm 99,2%, trong đó làm việc từ 9-12 giờ/ngày chiếm 63,7%, trên 12 giờ/ngày chiếm 28,5%. Vị trí lao động chính của ngư dân là boong tàu chiếm 76,4%, 76,6% ngư dân làm việc trong điều kiện ẩm ướt, 62,1% ngư dân làm việc trong điều kiện rất nóng/rất lạnh, 48,9% ngư dân không biết về phòng chống cháy nổ, 61,1% ngư dân không biết về phòng chống điện giật, 39,7% ngư dân không biết về phòng chống đuối nước, 28,4% ngư dân không có bất kỳ một trang bị nào về bảo hộ lao động., 71,3% không có tủ thuốc cấp cứu trên tàu. Ngư dân mong muốn được hỗ trợ một phần kinh phí, thuốc men, tập huấn các biện pháp xử trí tai nạn lao động, như phòng chống cháy nổ, đuối nước.... Nghiên cứu cho thấy nhu cầu chăm sóc sức khỏe và tăng cường an toàn lao động cho ngư dân là vấn đề cần được quan tâm giải quyết.

SUMMARY

THE ACTUAL STATE OF LABOR HYGIEN & SAFETY AND THE HEALTH OF OFFSHORE FISHERMEN IN CUA LO COMMUNE, NGHE AN PROVINCE IN 2014

*Vũ Phong Túc, Nguyễn Đình Khuê,
ThS Nguyễn Thị Giang*
Cua Lo Health Center

Descriptive cross-sectional study on the actual state of labor safety and hygiene of off-shore fishermen in Cua Lo rural district, Nghe An province. The study was conducted on 1003 fishermen and 115 off-shore fishing vessels. It was found that the percentage of fishermen working over 8 hours per day account for 99.2%, in which those who work from 9 to 12 hours make up for 63.7%, over 12 hours is 28.5%. The main working position of fishermen is on the deck (76.4%), 76.6% of fishermen works in a wet working condition, 62.1% of fishermen work in the extremely hot/ extremely cold condition, 48.9% of fishermen have no idea about fire and explosion prevention, 61.1% of fishermen don't know how to avoid electricity shock, 39.7% of fishermen don't know about drowning prevention, 28.4% of fishermen have no labor protective equipment, 71.3% of fishing vessels have no medicine cabinets. Fishermen hope to receive a proportion of fund aid, medicine and training courses on measures to deal with labor accidents, such as: fire and explosion prevention, drowning

prevention etc...The study shows that the demand for health care and enhancement of labor safety for fishermen should be well-aware and resolved.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trên thế giới, nhiều nước phát triển đã có hệ thống chăm sóc sức khỏe, quản lý sức khỏe và quy định bắt buộc với nghề nghiệp liên quan đến biển, có nhiều công trình nghiên cứu về y tế cho lao động biển, kiểm soát và bảo vệ sức khỏe cho người đi biển và làm việc trên biển. Việt Nam là quốc gia có bờ biển dài 3600 km và trên 1 triệu km² biển với khoảng 6 triệu người lao động khai thác hải sản trên biển mang lại nhiều nguồn lợi có giá trị trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên ngư dân lao động phải chịu nhiều ảnh hưởng về sức khỏe, tinh thần do điều kiện lao động có hại, điều kiện lao động khắc nghiệt, rủi ro cao và nguy hiểm [1,2].

Trong khi đó mạng lưới y tế trong ngành thủy sản không tồn tại hoặc vấn đề quản lý y tế với ngư dân đánh bắt hải sản còn nhiều bất cập và thiếu thốn. Công tác kiểm tra an toàn sinh mạng và sức khỏe cho ngư dân trước khi xuất bến, trong khi lao động trên biển và lao động trên bờ chưa được quan tâm đầy đủ. Đôi khi ngư dân phải phó thác sức khỏe và tính mạng cho số mệnh may rủi mỗi chuyến ra biển. [2]

Nhiều nghiên cứu cho thấy điều kiện lao động trên tàu đánh bắt xa bờ cao hơn tiêu chuẩn cho phép như các yếu tố nhiệt độ, độ ẩm, lưu chuyển không khí và bức xạ nhiệt tại hầm máy, buồng lái, vận tốc rung đứng và rung ngang trên tàu đều vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép nhiều lần ở các vị trí trên tàu, các ngư dân lao động trên tàu đánh bắt xa bờ thường xuyên phải làm việc liên tục quá thời gian cho phép [2,], [4], [6], [8], [9].

Thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An có khoảng 1200 lao động đánh bắt xa bờ; 120 tàu đánh bắt xa bờ. Phần lớn ngư dân gắn bó cả đời mình với sóng gió biển cả và chịu nhiều tác động của các yếu tố bất lợi từ môi trường thiên nhiên, môi trường lao động mang tính chất đặc thù có nhiều vấn đề ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động trên biển [7]

Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài nhằm mục tiêu ***“Thực trạng an toàn vệ sinh lao động của ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ tại thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An năm 2014”***.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng, thời gian nghiên cứu

- Ngư dân và tàu đánh bắt xa bờ thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.
- Thời gian nghiên cứu từ tháng 3/2014 đến 10/2014

2.2 Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp mô tả cắt ngang
- Cỡ mẫu với ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \times \frac{p(1-p)}{x}$$

$$(\epsilon p)^2$$

Trong đó:

p: Tỷ lệ % các đối tượng điều tra về tình trạng sức khỏe của ngư dân, so với nghiên cứu trước tương tự với ngư dân tại địa bàn khác, chúng tôi chọn $p=0,61$ [39].

$Z_{(1-\alpha/2)}$: hệ số tin cậy với mức ý nghĩa $\alpha=0,05$, $Z_{(1-\alpha/2)}=1,96$

ϵ : sai số tương đối được xác định với $\epsilon=0,05$

Cỡ mẫu được tính toán dựa vào công thức trên là 983 mẫu. Trong thực tế điều tra nghiên cứu được thực hiện là 1003 ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ.

Cỡ mẫu với tàu đánh bắt hải sản xa bờ

Toàn bộ tàu đánh bắt xa bờ đang hoạt động của ngư dân Thị xã Cửa Lò tỉnh Nghệ An: Ước tính theo thống kê của Ban quản lý ngư dân đánh bắt xa bờ và thực tế điều tra tại thị xã Cửa Lò tỉnh Nghệ An là 115 tàu đánh bắt hải sản xa bờ.

- Nghiên cứu điều kiện vệ sinh lao động và sinh hoạt: Quan sát đánh giá bằng bảng kiểm, kết hợp phỏng vấn bằng phiếu điều tra.

- Nhập số liệu, quản lý và xử lý số liệu bằng phần mềm Epidata 3.1 và SPSS 16.0.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ

Bảng 3.1: Tỷ lệ nhóm tuổi của ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ

Nhóm tuổi	Số lượng (n=1003)	Tỷ lệ (%)
< 20 tuổi	12	1,2
20-29 tuổi	91	9,1
30-39 tuổi	285	28,4
40-49 tuổi	279	27,8
50-59 tuổi	254	25,3
≥ 60 tuổi	82	8,2

$X \pm SD$: $43,4 \pm 10,9$ tuổi; Median: 44,0 tuổi; Min: 17 tuổi; Max: 75 tuổi.

Nhận xét: Phần lớn ngư dân có nhóm tuổi từ 30-39 tuổi, 40-49 tuổi và 50-59 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất tương ứng là 28,4%, 27,8% và 25,3%. Độ tuổi trung bình của ngư dân là $43,4 \pm 10,9$ tuổi, nhỏ nhất là 17 tuổi, lớn nhất là 75 tuổi.

Bảng 3.2: Tỷ lệ nhóm tuổi nghề của ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ

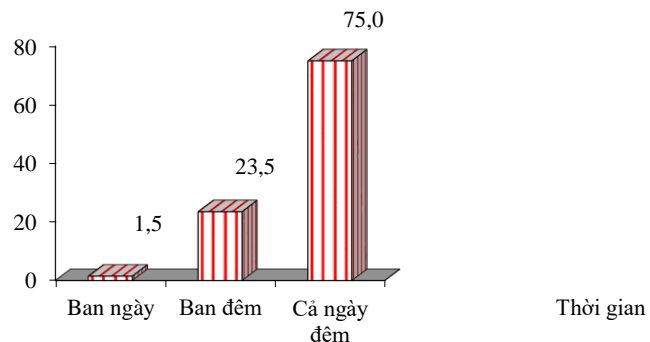
Nhóm tuổi nghề	Số lượng (n=1003)	Tỷ lệ (%)
≤ 5 năm	72	7,2

6 -10 năm	161	16,1
11-15 năm	200	19,9
16-20 năm	181	18,0
trên 20 năm	389	38,8

Nhận xét: Tỷ lệ tuổi nghề lao động trên 20 năm (38,8%). Các nhóm tuổi nghề 11-15 năm và 16-20 năm chiếm tỷ lệ tương ứng từ 18,0 đến 19,9%. Nhóm ngư dân mới tham gia trong khoảng 5 năm thâm niên lao động chỉ chiếm 7,2%.

3.2. Điều kiện an toàn vệ sinh lao động của ngư dân

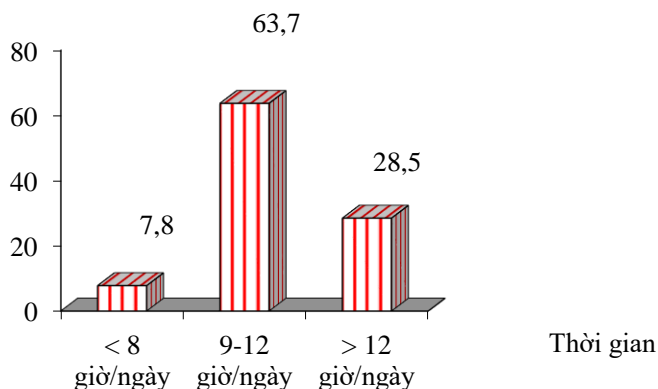
Tỷ lệ (%)



Biểu đồ 3.1: Thời gian lao động ca kíp trong ngày của ngư dân

Nhận xét: Thời gian lao động theo ca kíp trong ngày của ngư dân cả ban ngày và ban đêm chiếm tỷ lệ 75,0%, chỉ làm việc vào ban đêm chiếm 23,5%.

Tỷ lệ (%)



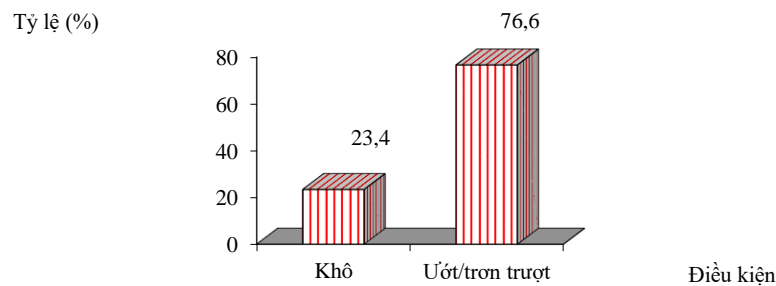
Biểu đồ 3.2: Tỷ lệ thời gian lao động theo giờ trong ngày của ngư dân

Nhận xét: Thời gian lao động theo giờ trong ngày của ngư dân, phần lớn ngư dân phải làm việc từ 9 đến 12 giờ/ngày chiếm tỷ lệ 63,7%. Đặc biệt, tỷ lệ ngư dân lao động trên 12 giờ/ ngày chiếm đến 28,5%.

Bảng 3.3: Điều kiện vị trí lao động chính của ngư dân

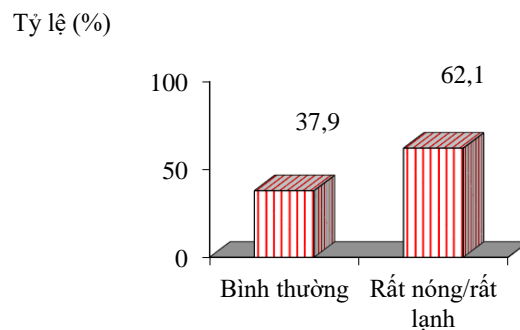
Vị trí làm việc	Số lượng (n=1003)	Tỷ lệ
Trên boong tàu	766	76,4
Hầm máy	115	11,5
Buồng lái	122	12,1

Nhận xét: Nơi làm việc chính của ngư dân là ở trên boong tàu chiếm 76,4%, lao động trong buồng lái chiếm 12,1%, lao động trong hầm máy chiếm 11,5%.



Biểu đồ 3.4: Điều kiện sàn tàu nơi làm việc trên tàu cá của ngư dân

Nhận xét: Điều kiện lao động là ẩm ướt, sàn tàu thường xuyên trơn trượt chiếm 76,6%.



Biểu đồ 3.5: Điều kiện nhiệt độ tại nơi lao động chính của ngư dân

Nhận xét: Nơi làm việc chính thường xuyên trong điều kiện rất nóng hoặc rất lạnh chiếm 62,1%.

Bảng 3.4. Điều kiện trang bị thuốc và sơ cấp cứu ban đầu trên tàu

Nội dung	Số lượng (n=115)	Tỷ lệ (%)
Không có tủ thuốc	82	71,3
Trang bị cho cấp cứu ban đầu	55	47,8
Thuốc khác	33	28,7

Nhận xét: Tỷ lệ tàu không được trang bị tủ thuốc là 71,3%.

Bảng 3.5. Hiểu biết của ngư dân về an toàn vệ sinh lao động

Nội dung	Số lượng (n=1003)	Tỷ lệ (%)
Không hiểu biết về phòng chống cháy nổ	513	48,9
Không hiểu biết về phòng chống điện giật	390	61,6
Không hiểu biết về phòng chống đuối nước	605	39,7

Nhận xét: Tỷ lệ ngư dân không hiểu biết về phòng chống cháy nổ (48,9%), phòng chống điện giật (61,6%), phòng chống đuối nước (39,7%).

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu này cho thấy phần lớn ngư dân có nhóm tuổi từ 30-39 tuổi, 40-49 tuổi và 50-59 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất tương ứng là 28,4%, 27,8% và 25,3%. Bên cạnh đó, vẫn còn 8,2% ngư dân mặc dù đã ngoài 60 tuổi, là tuổi được nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng, nhưng có thể vì mưu sinh, vì gia đình và có thể vì yêu nghề yêu biển nên họ gắn bó với biển, gắn bó với tàu đánh bắt hải sản xa bờ.

Độ tuổi trung bình của ngư dân là $43,4 \pm 10,9$ tuổi. Trung vị là 44,0 tuổi. Độ tuổi ngư dân trẻ nhất là 17 tuổi, độ tuổi cao nhất là 75 tuổi. Tỷ lệ tuổi nghề lao động nhiều năm phần lớn trên 20 năm (38,8%). Các nhóm tuổi nghề 11-15 năm và 16-20 năm chiếm tỷ lệ tương ứng từ 18,0 đến 19,9%. Một tỷ lệ lao động ngư dân mới tham gia trong khoảng 5 năm thâm niên lao động chỉ chiếm 7,2%. Kết quả nghiên cứu đề tài này tương ứng nghiên cứu của Phùng Chí Thiện, Đinh Khắc Sót (2007) về sức khỏe cơ cấu bệnh tật của ngư dân xã Lập lễ thủy nguyên Hải Phòng cho thấy tuổi nghề đi biển của các ngư dân trên 5 năm chiếm 83% [6,7].

Nơi làm việc chính của ngư dân phần lớn là ở trên boong tàu chiếm 76,4%, buồng lái chiếm 21,3%, hầm máy chỉ chiếm 11,5%. Ngư dân làm việc trong điều kiện ẩm ướt chiếm 76,6%, phần lớn ngư dân cho biết nơi làm việc chính thường xuyên trong điều kiện rất nóng hoặc rất lạnh chiếm 76,6%.

Tỷ lệ tàu không được trang bị tủ thuốc là 71,3%. Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu về đặc điểm tai nạn thương tích và một số yếu tố liên quan được tiến hành tại Thủy Nguyên, Hải Phòng với gần 100% tàu cá không trang bị tủ thuốc y tế riêng [6]

Về tập huấn an toàn lao động, kết quả nghiên cứu này cho thấy có 38,6% ngư dân không được tập huấn về an toàn lao động

5. KẾT LUẬN

Thực trạng an toàn vệ sinh lao động của ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ tại thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An năm 2014 như sau:

- Chủ yếu ngư dân đánh bắt xa bờ có tuổi đời từ 30-39 tuổi, 40-49 tuổi và 50-59 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất tương ứng là 28,4%, 27,8% và 25,3%. Tuổi nghề lao động trên 20 năm chiếm 38,8%.

- Thời gian lao động theo ca kíp trong ngày của ngư dân cả ban ngày và ban đêm chiếm tỷ lệ 75,0%. Thời gian làm việc trong ngày từ 9 đến 12 giờ/ngày

chiếm tỷ lệ 63,7%. Đặc biệt, tỷ lệ ngư dân lao động trên 12 giờ/ ngày chiếm đến 28,5%. Ngư dân đánh bắt xa bờ là đối tượng lao động có tính chất nặng nhọc và đặc thù, vất vả

- Điều kiện lao động đặc thù trên tàu cá ẩm ướt/trơn trượt chiếm 76,6%. Điều kiện trang bị thuốc và sơ cấp cứu ban đầu là 71,3%, tuy nhiên tủ thuốc được trang bị các dụng cụ, thuốc cho cấp cứu ban đầu chỉ chiếm 47,8%.

KIẾN NGHỊ

- Tập huấn về vệ sinh an toàn lao động
- Trang bị thuốc và trang thiết bị y tế cho ngư dân đánh bắt xa bờ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Chính phủ (2005)**, Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.
- 2. Huỳnh Minh Chính (2004)**, “Phát triển kinh tế biển Việt Nam phải gắn liền phát triển Y tế Biển-Đảo”, Kỷ yếu toàn văn các đề tài khoa học- Hội thảo quốc gia về phát triển y tế biển lần thứ nhất, tr 10-19.
- 3. Nguyễn Thị Hải Hà, Lê Hoàng Lan, Lương Xuân Tuyền, Nguyễn Bảo Nam (2014)**, “Nghiên cứu thực trạng điều kiện lao động trên các tàu vận tải viễn dương”, *Tạp chí Y học Việt Nam*, số 423/2014, tr 154- 162.
- 4. Bùi Thị Thúy Hải, Bùi Thị Hà (2004)**, "Thực trạng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho ngư dân đánh bắt xa bờ của xã Lập Lễ - huyện Thủy Nguyên - Hải Phòng", *Kỷ yếu toàn văn các đề tài nghiên cứu khoa học, Nhà xuất bản Y học*, tr. 375-384.
- 5. Phùng Chí Thiện, Đinh Khắc Sốt và Nguyễn Trường Sơn (2004)**, "Thực trạng sức khỏe và cơ cấu bệnh tật của ngư dân xã Lập Lễ- huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng", *Kỷ yếu toàn văn các đề tài nghiên cứu khoa học, Nhà xuất bản Y học*, tr. 298-306.
- 6. Phạm Văn Thúc (2003)**,” Bước đầu khảo sát tình hình dị ứng của người đánh cá và nhân dân đảo cát bà hải phòng”, *Tạp chí Y học thực hành*, số 444/2003, tr 122-125.
- 7. UBND Tỉnh Nghệ An(2013)**, “ Kế hoạch triển khai đề án phát triển Y tế biển đảo Việt Nam đến năm 2020 Tỉnh Nghệ An.”
- 8. Frantzeskou E, Kastania AN, Riza E, et al (2012)**. Risk factors for fishermen's health and safety in Greece. *Int Marit Health*. 2012;63(3):155-61
- 9. Haddad Jr V, Fávero JEL, Ribeiro FA, et al (2012)**. Trauma and envenoming caused by stingrays and other fish in a fishing community in Pontal do Paranapanema, state of São Paulo, Brazil: epidemiology, clinical aspects, and therapeutic and preventive measures. *Rev Soc Bras Med Trop*. 2012 Mar-Apr;45(2):238-42.